

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134 /2018/KDTM-PT

Ngày: 16/10/2018

V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Tuyết Băng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Sơn

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Huyền Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 16/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử công khai phúc thẩm vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 53/2018/TLPT-KDTM ngày 09/5/2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2017/KDTM-ST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân quận L , Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 421 /2018/QĐXXPT-KDTM ngày 28/9 /2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Q

Trụ sở: Số 22 H – phường T - quận H – Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền:

- Ông Phạm Quang H – Chuyên viên cao cấp thu hồi nợ

- Ông Lã Phương C– Cán bộ Ngân hàng TMCP P
- Ông Lê Đình N - Chuyên viên cao cấp thu hồi nợ
- Ông Ứng Doãn T – Chuyên viên thu hồi nợ
- Ông Lê Xuân T- Chuyên Viên cao cấp thu hồi nợ

(Giấy ủy quyền số 0705/2018/UQ-OCB ngày 07/5/2018 và giấy ủy quyền số 377/2015/UQ- PCB ngày 22/9/2015). (Có mặt)

2. Bị đơn: Công ty cổ phần K

Trụ sở: Số 10 ngõ 684 Đường NV -phường G - quận L – Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Quang D – sinh năm 1975

Địa chỉ: Số 107/670/63 NG - phường ĐG – quận L – Hà Nội.
(Có mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

3.1. Ông Đào Ngọc S – sinh năm 1955

Địa chỉ: Tổ 34 – phường NT – quận L – Hà Nội. (Vắng mặt).

3.2. Bà Lê Thị Hồng L – sinh năm 1988; (Vắng Mặt)

3.3. Bà Đoàn Thị Mai P – sinh năm 1960

Cùng trú tại : Số 10 ngõ 684 đường NV - Phường G -quận L – Hà Nội. (Có mặt)

3.4. Ông Hoàng Duy M – sinh năm 1976

3.5. Bà Trần Thị L - sinh năm 1981

Cùng trú tại: Số 52 phố BC – phường NT , quận L , Thành phố Hà Nội.

Ông Hoàng Duy M và bà Trần Thị L do bà Nguyễn Thanh H đại diện theo ủy quyền. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông M , bà L luật sư Trần Thị Ngọc H- Công ty luật TNHH Đ- Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. (có mặt).

3.6. Công ty cổ phần T

Trụ sở: Số 665 NG - phường ĐG – quận L – Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Bà Đoàn Thị Mai P . (Có mặt).

3.7. Ủy ban nhân dân quận L

Đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thu H – Chủ tịch UBND quận L

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Hoàng Y – Cán bộ trung tâm phát triển quỹ đất quận L (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện của Công ty TNHH một thành viên Q và các lời khai tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ngân hàng P – Chi nhánh Hà Nội và Công ty cổ phần K đã ký kết Hợp đồng tín dụng số: 031.11.001/2011/HĐTD-DN ngày 28/09/2011 và các phụ lục Hợp đồng tín dụng Số: 01/PL-HĐTD ngày 01/03/2012; Phụ lục Hợp đồng tín dụng số: 02/PL-HĐTD ngày 13/5/2013. Với nội dung Ngân hàng P cho Công ty cổ phần K vay số tiền là: 29.000.000.000 đồng (Hai mươi chín tỷ đồng); Mục đích: Bổ sung vốn kinh doanh cửa nhựa lõi thép; Thời hạn hạn mức: Thời hạn vay mỗi khoản vay 06 tháng kể từ ngày nhận nợ; Lãi suất cho vay: 21%/năm (tại thời điểm giải ngân); Lãi suất quá hạn tính bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là các Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất như sau:

+ Tài sản thứ 1: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 43(1), tờ bản đồ số 308-19 tại địa chỉ tổ 07 khối 2B – thị trấn ĐG – huyện G – Hà Nội (nay là phường ĐG – quận L – Hà Nội). Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10119033236 (Hồ sơ gốc số 0074, QĐ 1589/QĐ-UB) do UBND Huyện G cấp ngày 10/01/2003 mang tên ông Đào Ngọc S và bà Đoàn Thị Mai P .

+ Tài sản thứ 2: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 41(1), tờ bản đồ số 308-19 tại địa chỉ số 661 tổ 9, thị trấn ĐG , huyện G , Hà Nội (nay là phường ĐG , quận L , Hà Nội). Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10119033238 (Hồ sơ gốc số 0078, QĐ 1589/QĐ-UB) do UBND Huyện G cấp ngày 10/01/2003 mang tên ông Đào Ngọc S và bà Đoàn Thị Mai P .

+ Tài sản thứ 3: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 30(2), tờ bản đồ số 308-19 tại địa chỉ Số 2 ngõ 667 đường NG , thị trấn ĐG , huyện G , Hà Nội(nay là phường ĐG , quận L , Hà Nội). Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10119033234 (Hồ sơ gốc số 0199.2002, QĐ 1772) do UBND Huyện G cấp ngày 27/12/2002 mang tên ông Đào Trung D . Ngày 21/7/2009 đã đăng ký sang tên cho bà Đoàn Thị Mai P theo hợp đồng cho tặng Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 111/2009/HĐTC ngày 10/07/2009.

+ Tài sản thứ 4: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 40, tờ bản đồ số 308-19 tại địa chỉ Số 8 ngõ 67 đường N , thị trấn ĐG , huyện G , Hà Nội (nay là phường ĐG , quận L , Hà Nội). Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10119033289 (Hồ sơ gốc số 0091.2003. QĐ 302QĐ-UB) do UBND Huyện G cấp ngày 13/03/2003 mang tên ông Đào Ngọc S và bà Đoàn Thị Mai P .

+ Tài sản thứ 5: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 8(2), tờ bản đồ số 0 tại địa chỉ Tổ 33 phường NT (Nay là số 52 NT) - quận L - Hà Nội. Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số AN 515945 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 709 số QĐ:1565/QĐ-UB do UBND quận L cấp ngày 14/07/2008 mang tên ông Hoàng Duy M và bà Trần Thị L .

+ Tài sản thứ 6: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 13-2 , tờ bản đồ số 50, tại địa chỉ: tổ 34, phường NT , quận L , Hà Nội. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD461661; Số vào sổ cấp GCN: 1402/2005/QĐ-UB/594/2005 do UBND quận L cấp ngày 23/09/2005 mang tên ông Đào Ngọc S và bà Đoàn Thị Mai P . Ngày 17/6/2010 đã sang tên cho bà Đoàn Thị Mai P theo văn bản thỏa thuận số 133 ngày 18/5/2010 do phòng công chứng số 2 Thành phố Hà Nội công chứng. Tài sản bảo đảm này đồng đảm bảo cho khoản vay của bà Lê Thị Hồng L (theo phụ lục số 02/PL-HĐTD

sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 031.11.001/2011/HĐTD-DN ngày 28/9/2011).

+ Tài sản thứ 7: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 30 (1), tờ bản đồ số 308-19, số 2 ngõ 667 đường N, quận L, Hà Nội. Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10119033233 do UBND huyện G cấp ngày 27/12/2002 cho ông Đào Ngọc S và bà Đoàn Thị Mai P. Đăng ký sang tên bà Đoàn Thị Mai P ngày 27/6/2010 theo văn bản thỏa thuận số 133 ngày 18/5/2010 do phòng công chứng số 2 thành phố Hà Nội công chứng. Tài sản bảo đảm này đồng đảm bảo cho khoản vay của bà Lê Thị Hồng L (theo phụ lục số 02/PL-HĐTD sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 031.11.001/2011/HĐTD-DN ngày 28/9/2011).

Các tài sản thế chấp trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Ngân hàng P đã giải ngân số tiền 28.995.000.000 đồng cho Công ty cổ phần K theo 21 khế ước nhận nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty cổ phần K đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán nợ được quy định trong hợp đồng tín dụng.

Ngày 28/03/2014, Ngân hàng P và Công ty TNHH MTV Q đã ký kết hợp đồng mua, bán nợ (thanh toán bằng trái phiếu đặc biệt) số 160/2014/MBN.VAMC2-OCB để mua lại toàn bộ khoản nợ của khách hàng Công ty cổ phần K phát sinh tại Ngân hàng P. Theo đó, kể từ ngày 29/03/2014 trở đi Công ty TNHH một thành viên Q kế thừa toàn bộ trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của Ngân hàng P đối với khoản vay của Công ty cổ phần K.

Sau khi mua lại khoản nợ trên, Công ty TNHH MTV Q đã nhiều lần yêu cầu Công ty cổ phần K thanh toán trả nợ cho Công ty TNHH MTV Q, nhưng Công ty cổ phần K vẫn không thanh toán. Nay Công ty TNHH MTV Q đề nghị tòa án xem xét giải quyết những yêu cầu sau:

1/ Buộc Công ty cổ phần K thanh toán trả cho Công ty TNHH MTV Q số tiền tính đến 12/9/2017: Nợ gốc: 28.995.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn : 5.954.156.206 đồng; Nợ lãi quá hạn : 26.880.903.835 đồng. Tổng cộng: 61.830.060.041 đồng và các khoản lãi phát sinh tính theo “Hợp đồng tín dụng số:031.11.001/2011/HĐTD-DN ngày 28/09/2011” kể từ ngày 13/9/2017 cho đến khi Công ty cổ phần K hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay.

2/ Nếu Công ty cổ phần K không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Công ty TNHH MTV Q được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án áp dụng các biện pháp cưỡng chế, phát mại các tài sản bảo đảm đã thế chấp đã nêu ở trên để thu hồi nợ. Trong trường hợp sau khi xử lý các tài sản bảo đảm kể trên mà vẫn không đủ nghĩa vụ trả nợ thì buộc Công ty cổ phần K phải tiếp tục trả số nợ còn lại.

3/ Đề nghị buộc bà Đoàn Thị Mai P trả lại cho nguyên đơn số tiền 521.373.600 đồng do được Nhà nước bồi thường một phần diện tích các thửa đất đã thế chấp cho Ngân hàng .

Bị đơn – Công ty cổ phần K : Đại diện theo pháp luật ông Đào Trung D triệu tập nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt nên không lấy được lời khai. Tại phiên tòa ông Vũ Quang D đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày :Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn xác nhận có việc ký kết hợp đồng tín dụng và các hợp đồng thế chấp như phần trình bày của nguyên đơn , xác nhận bị đơn chưa thanh toán số nợ gốc đến thời điểm hiện nay là: 28.995.000.000 đồng; Lãi suất trong hạn Ngân hàng thu quá cao; Lãi suất quá hạn Ngân hàng thu không có căn cứ pháp luật. Bị đơn không chấp nhận trả lại nguyên đơn số tiền được Nhà nước bồi thường vì thuộc quyền của chủ sử dụng đất.

Người có nghĩa vụ liên quan Ông Đào Ngọc S trình bày: Bà Đoàn Thị Mai P vay tiền của Ngân hàng TMCP P như thế nào ông không biết. Việc bà P dùng tài sản nhà đất tại thửa đất số: 13-2, tờ bản đồ số 50 tại địa chỉ: Tổ 34 – phường NT – quận L – Hà Nội để thế chấp vay tiền của Ngân hàng là

do bà P tự ý làm, bản thân ông cũng không biết bà P làm như thế nào. Hiện tại ông đang quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất này làm: “Am thờ quan thế âm bồ tát”. Diện tích nhà thờ này ông xây dựng được 06 năm nay sử dụng làm nơi thờ cúng. Tổng số có 21 pho tượng đá để ngoài sân ; 01 pho tượng đồng ; 02 pho tượng gỗ. Nay nguyện vọng của ông là yêu cầu bà P và ông D dùng tài sản khác bán để trả nợ cho ngân hàng TMCP P. Đồng thời giữ lại tài sản nhà đất cho ông để làm nơi thờ tự.

Anh Hoàng Duy M trình bày: Việc Công ty TNHH MTV Q khởi kiện Công ty K yêu cầu Công ty cổ phần K phải thanh toán trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng có liên quan đến tài sản của gia đình anh thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty cổ phần K , anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho gia đình anh.

Chị Trần Thị L , bà Lê Thị Hồng L, Công ty cổ phần T - do bà Đoàn Thị Mai P đại diện theo pháp luật: Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai của bà Trần Thị L, bà Lê Thị Hồng L, Công ty cổ phần T do bà Đoàn Thị Mai P đại diện theo pháp luật.

UBND quận L do bà Lê Hoàng Y là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Đối với các thửa đất bà Đoàn Thị Mai P đã thế chấp vay tiền của Ngân hàng P , UBND quận cung cấp hồ sơ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Bồi thường, hỗ trợ và Tái định cư theo quy hoạch các khu đất dọc đường tàu phường ĐG , quận L .

Hiện trạng thửa đất có biến động diện tích, hình thể thửa đất so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ Quyết định số: 7931/QĐ-UBND ngày 29/11/2013 của UBND quận L về việc thu hồi 75,6 m² đất tại thửa đất số 30(1); 30(2), tờ bản đồ số 308-19 do bà Đoàn Thị Mai P đang sử dụng tại phường ĐG , quận L , Hà Nội. Trong số diện tích thu hồi của hai thửa đất nêu trên thì thửa đất số 30(1) thu hồi 13,61 m² và thửa đất số 30(2) thu hồi 11, 55 m² là phần diện tích đã được công nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ Quyết định số: 7979/QĐ-UBND ngày 29/11/2013 của UBND quận L về việc thu hồi 44,4 m² đất tại thửa đất số 40; 41(1), tờ bản đồ số 308-19 do ông, bà Đoàn Thị Mai P đang sử dụng tại phường ĐG , quận L , Hà Nội. Trong số diện tích thu hồi của hai thửa đất nêu trên thì thửa đất số 41(1) thu hồi 3 m² là phần diện tích đã được công nhận quyền sử dụng đất, còn lại là phần diện tích đất thu hồi không được công nhận quyền sử dụng đất.

Theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất kèm theo Quyết định số 8346/QĐ-UBND ngày 12/12/2013 của UBND quận L :
Đơn giá bồi thường diện tích đất bị thu hồi thuộc thửa đất số 30(1); 30(2) là:
 $17.460.000 \text{ đồng/m}^2 \times (13,61 \text{ m}^2 + 11,55 \text{ m}^2) = 439.293.600 \text{ đồng}$
Đơn giá bồi thường diện tích đất bị thu hồi thuộc thửa đất số 41(1) là:
 $27.360.000 \text{ đồng/m}^2 \times 3 \text{ m}^2 = 82.080.000 \text{ đồng}$

Theo bảng tổng hợp phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất kèm theo quyết định số:8346/QĐ-UBND ngày 12/12/2013 của UBND quận L thì bà Đoàn Thị Mai P đã ký nhận tiền bồi thường. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án kinh doanh thương mại số 12/2017/KDTN-ST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân quận L quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Q .

1.1. Buộc Công ty cổ phần K phải thanh toán trả Công ty TNHH MTV Q tổng cộng số tiền tính đến ngày 12/9/2017 gồm:

- Nợ gốc: 28.995.000.000 đồng
- Nợ lãi trong hạn : 5.954.156.206 @đ
- Nợ lãi quá hạn : 26.880.903.835 @đ.

Tổng cộng: 61.830.060.041 đồng (Sáu mươi một tỷ, tám trăm ba mươi triệu, không trăm sáu mươi nghìn, không trăm bốn mươi một đồng).

1.2. Công ty cổ phần K phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc cho Công ty TNHH MTV Q tính từ ngày 13/9/2017 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng số 1901LAV201500477 ngày 29/5/2015 và các hợp

đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ mà hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 27/9/2018, Công ty cổ phần K do ông Đào Trung D là người đại diện theo pháp có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Ngân hàng tính lãi quá hạn, lãi phạt quá hạn không đúng quy định pháp luật; Tư cách người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong vụ án không đúng; Quyết định đưa vụ án ra xét xử không xác định Ủy ban nhân dân quận L là người có nghĩa vụ liên quan trong vụ án, nhưng tại phiên tòa Chủ tọa phiên tòa xác định Ủy ban nhân dân quận L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của Công ty K. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 25/9/2018, Bà Đoàn Thị Mai P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do : Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến quyền lợi của ông Phạm Văn T là người đầu tư góp vốn xây dựng nhà xưởng với bà từ năm 2009 trên diện tích đất tại thửa số 30(1), tờ bản đồ số 308- 19 và thửa 30 (2) tờ bản đồ số 308-19 tại địa chỉ số 2 và số 8 ngõ 667 đường N , L , Hà Nội là các thửa đất bà thế chấp cho Ngân hàng. Việc ông Tích góp vốn là hoàn toàn hợp pháp theo bản thỏa thuận đầu tư và phụ lục đầu tư giữa bà và ông Tích; Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Tích vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm tố tụng; Khoản vay của chị Lê Thị Hồng L có liên quan đến tài sản của bà đã thế chấp cho Ngân hàng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ các thủ tục tố tụng với chị Lê Thị Hồng L là vi phạm tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bà. Bà đề nghị Tòa phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 20/9/2018, Công ty cổ phần T do bà Đoàn Thị Mai P đại diện theo pháp luật có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án không triệu tập Công ty T đến Tòa; Không xem xét đến quyền lợi của ông Phạm Văn T là người bỏ tiền đầu tư xây dựng xưởng

mắm và văn phòng làm việc của Công ty cổ phần T là vi phạm tố tụng; Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ của vụ án. Vì vậy đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử hủy án sơ thẩm.

Ngày 19/9/2018, bà Trần Thị L và ông Hoàng Duy M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án sau đó Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý lại, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tổng đạt quyết định đình chỉ cũng như thông báo thụ lý vụ án mới cho ông bà là vi phạm tố tụng; Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Hoàng Duy N vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của ông N , vì ông N là chủ sở hữu hợp pháp ngôi nhà 3 tầng được xây dựng trên một phần diện tích đất mà ông bà đã thế chấp cho Ngân hàng. Việc ông N xây dựng nhà trên phần diện tích đất của ông bà phía nguyên đơn, bị đơn đều biết rõ; Tòa án cấp sơ thẩm quyết định Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên phát mãi tài sản thế chấp đối với toàn bộ diện tích 112m² đất tại thửa đất số 8 (2) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất như vậy bao gồm cả diện tích nhà của ông N . Vì vậy, Ông bà đề nghị cấp phúc thẩm xem xét hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông Hoàng Duy M và bà Trần Thị L cho rằng quá trình ông M , bà L thế chấp diện tích nhà đất tại thửa đất số 8 (2), tờ bản đồ số 0 tại địa chỉ tổ 33 phường NT , quận L , Hà Nội cho Ngân hàng, thì Ngân hàng biết rõ trên thửa đất này có một phần diện tích nhà của ông Hoàng Duy N xây dựng, nhưng Ngân hàng vẫn nhận thế chấp toàn bộ thửa đất là không đúng với quy định của pháp luật. Hơn nữa quá trình giải quyết vụ án tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xác định trên một phần diện tích đất này có một phần diện tích nhà 3 tầng của gia đình ông N , nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành điều tra xác minh về

việc này và không đưa ông N vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là vi phạm tố tụng, không đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của gia đình ông N. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án và phân tích nội dung vụ án đã kết luận như sau:

+ Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Bản án sơ thẩm tuyên bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ gốc cho Nguyên đơn là 28.995.000.000 đồng là có căn cứ; Tuy nhiên cấp sơ thẩm chấp nhận về số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn do Nguyên đơn đưa ra là không đủ căn cứ để chấp nhận. Vì theo hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ thể hiện hai bên thỏa thuận lãi suất thời điểm giải ngân là 14,5%/năm; Điều chỉnh lãi suất 3 tháng/1 lần (= lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 6 tháng + biên độ 5,5%..), nhưng hồ sơ thể hiện quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chỉ cung cấp duy nhất một bản tính lãi chung, không có bản giải trình nào khác về việc tính lãi của từng khế ước nhận nợ. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận số tiền lãi do nguyên đơn đưa ra là chưa đảm bảo tính khách quan.

Đối với yêu cầu phát mại tài sản thế chấp: Cấp sơ thẩm không đưa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến 3 bất động sản (trong 7 bất động sản) được bảo đảm cho khoản vay của Công ty cổ phần thương mại K cụ thể: Thửa đất số 8(2), tờ bản đồ số 0 tại địa chỉ tổ 33 phường NT, quận L, Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất do UBND quận L cấp cho anh Hoàng Duy M, có

diện tích đất là 112,3m². Tại biên bản định giá của Ngân hàng đã xác định trên diện tích đất này có một phần ngôi nhà 3 tầng; Tại biên bản xem xét thẩm định của cấp sơ thẩm cũng xác định trên diện tích đất này có một phần ngôi nhà 3 tầng của anh Hoàng Duy N , nhưng cấp sơ thẩm không đưa anh Nhiên cùng các thành viên sống tại ngôi nhà 3 tầng này vào tham gia tố tụng là vi phạm tố tụng, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của gia đình anh N.

Thửa đất số 30(1), tờ bản đồ số 308-19 tại địa chỉ số 2 ngõ 667 đường N , thị trấn ĐG , huyện G (Nay là phường ĐG , quận L), Hà Nội đứng tên ông Đào Ngọc S và bà Đoàn Thị Mai P (Ngày 17/6/2010 đã sang tên bà Đoàn Thị Mai P) và thửa đất số 13-2, tờ bản đồ số 50, tại địa chỉ tổ 34 NT , quận L , Hà Nội, đứng tên ông Đào Ngọc S và bà Đoàn Thị Mai P (Ngày 17/6/2010 đã sang tên cho bà Đoàn Thị Mai P). Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện hai bất động sản này được thế chấp đảm bảo cho hai hợp đồng tín dụng (gồm Hợp đồng tín dụng Ngân hàng P ký với công ty K và Hợp đồng tín dụng ngân hàng P ký với vợ chồng ông Đào Trung D và bà Lê Thị Hồng L). Cấp sơ thẩm không xác minh thu thập tài liệu liên quan đến khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 031.13.130 ngày 20/5/2013 giữa Ngân hàng P và ông Đào Trung D và bà Lê Thị Hồng L; Đồng thời không đưa Ngân hàng P vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm thủ tục tố tụng.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty K và ông Hoàng Duy M , bà Trần Thị L . Hủy án sơ thẩm chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân quận L giải quyết theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa ; ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1].Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn là Công ty cổ phần K do ông Đào Trung D là người đại diện theo pháp luật; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Đoàn Thị Mai P ; Công ty cổ phần T do bà Đoàn Thị Mai P đại diện theo pháp luật; bà Trần Thị L , ông Hoàng Duy M làm trong thời hạn luật định. Người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên việc kháng cáo là hợp lệ. Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội giải quyết là đúng thẩm quyền.

+ Tòa án đã triệu tập họp lệ các đương sự trong vụ án, nhưng tại phiên tòa hôm nay ông Đào Ngọc S, bà Lê Thị Hồng L, Ủy ban nhân dân quận L do bà Lê Hoàng Y đại diện theo ủy quyền vắng mặt và đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án vẫn tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt ông Đào Ngọc S, bà Lê Thị Hồng L, Ủy ban nhân dân quận L do bà Lê Hoàng Y đại diện theo ủy quyền.

[2].Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là Công ty cổ phần K do ông Đào Trung D là người đại diện theo pháp luật; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Đoàn Thị Mai P ; Công ty cổ phần T do bà Đoàn Thị Mai P đại diện theo pháp luật; bà Trần Thị L và ông Hoàng Duy M Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Hợp đồng tín dụng số: 031.11.001/2011/HĐTD-DN ngày 28/09/2011 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP P – Chi nhánh Hà Nội – Phòng giao dịch HBT (nay là phòng giao dịch T) và Công ty cổ phần K tuân theo đúng quy định của pháp luật và được hai bên xác nhận là hợp đồng hợp pháp, nên có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Quá trình giải quyết vụ án tại tòa án phía bị đơn thừa nhận toàn bộ nợ gốc như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải thanh toán trả toàn bộ nợ gốc và nợ lãi cho nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với Điều 91 Luật tố chức tín dụng.

Tuy nhiên về lãi suất theo thỏa thuận của hai bên tại hợp đồng tín dụng số 031.11.001/2011/HĐTD-DN ngày 28/09/2011 và các khế ước nhận nợ các bên có thỏa thuận về lãi suất tại thời điểm giải ngân là 14,5%/năm; Điều chỉnh lãi suất 3 tháng/1 lần (= lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 6 tháng + biên độ 5,5%..), nhưng hồ sơ

thể hiện quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chỉ cung cấp duy nhất một bản tính lãi chung, không có bản giải trình nào khác về việc tính lãi của từng khế ước nhận nợ. Tại cấp phúc thẩm Công ty TNHH một thành viên Q không cung cấp các tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ và vẫn giữ nguyên yêu cầu tính lãi suất thỏa thuận. Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ xác định đây là các khoản vay ngắn hạn. Tại thời điểm các bên ký kết hợp đồng và các giấy nhận nợ thì pháp luật cho phép được áp dụng lãi suất thỏa thuận (Thông tư số 12/2010/TTLT-NHNN ngày 14/4/2010). Tuy nhiên từ ngày 8/6/2012, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 20/2012/TTLT-NHNN thay thế thông tư số 12/2010 và điều chỉnh lãi suất cho vay xuống 14%/năm, tiếp sau đó Ngân hàng Nhà nước ban hành các thông tư để điều chỉnh lãi suất cho vay xuống thấp dần. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận mức lãi mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả trong trường hợp này là trái với các quy định của Ngân hàng Nhà nước. Nên kháng cáo của bị đơn được chấp nhận.

Về tài sản đảm bảo cho khoản vay: Gồm cả 07 tài sản như sau :

Tài sản thứ 1: Thửa đất số 43(1), tờ bản đồ số 308-19 tại địa chỉ tổ 07 khối 2B – thị trấn ĐG – huyện G – Hà Nội (nay là phường ĐG – quận L – Hà Nội). Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10119033236 (Hồ sơ gốc số 0074, QĐ 1589/QĐ-UB) do UBND Huyện G cấp cho ông Đào Ngọc S và bà Đoàn Thị Mai P ngày 10/01/2003. Theo Hợp đồng thế chấp ngày 20/10/2011 lập tại Văn phòng công chứng HG, số công chứng: 013132/2011, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐTHC.

Tài sản thứ 2: Thửa đất số 41(1), tờ bản đồ số 308-19 tại địa chỉ số 661 tổ 9, thị trấn ĐG , huyện G , Hà Nội (nay là phường ĐG , quận L , Hà Nội). Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10119033238 (Hồ sơ gốc số 0078, QĐ 1589/QĐ-UB) do UBND Huyện G cấp cho ông Đào Ngọc S và bà Đoàn Thị Mai P ngày 10/01/2003. Theo Hợp đồng thế chấp ngày 15/10/2011 lập tại Văn phòng công chứng HG, số công chứng: 013071/2011, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐTHC.

Tài sản thứ 3: Thửa đất số 30(2), tờ bản đồ số 308-19 tại địa chỉ Số 2 ngõ 667 đường N , thị trấn ĐG , huyện G , Hà Nội(nay là phường ĐG , quận L , Hà Nội). Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10119033234 (Hồ sơ gốc số 0199.2002, QĐ 1772) do UBND Huyện G cấp cho ông Đào Trung D ngày 27/12/2002. Sang tên cho bà Đoàn Thị Mai P theo hợp đồng cho tặng Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 111/2009/HĐTC ngày 10/07/2009. Hợp đồng thế chấp ngày 8/10/2011 lập tại Văn phòng công chứng Hồ Gươm, số công chứng: 012967/2011, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐTHC.

Tài sản thứ 4: Thửa đất số 40, tờ bản đồ số 308-19 tại địa chỉ Số 8 ngõ 67 đường N , thị trấn ĐG , huyện G , Hà Nội (nay là phường ĐG , quận L , Hà Nội). Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10119033289 (Hồ sơ gốc số 0091.2003, QĐ 302QĐ-UB) do UBND Huyện G cấp cho ông Đào Ngọc S và bà Đoàn Thị Mai P ngày 13/03/2003. 2009.

Tài sản thứ 5: Thửa đất số 8(2), tờ bản đồ số 0 tại địa chỉ Tổ 33 phường NT - quận L - Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số AN 515945 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 709 số QĐ:1565/QĐ-UB MS: 10127655448 do UBND quận L cấp cho ông Hoàng Duy M ngày 14/07/2008.

Tài sản thứ 6: Thửa đất số 30 (1), tờ bản đồ số 308-19 tại địa chỉ số 2 ngõ 667 đường N , thị trấn ĐG , huyện G , Hà Nội (nay là phường ĐG , quận L , Hà Nội). Theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 10119033233 (QĐ số 1772 hồ sơ gốc số 0197.2002) do UBND huyện G cấp cho ông Đào Ngọc S và bà Đoàn Thị Mai P ngày 27/12/2002.2009. Ngày 17/6/2010 đã sang tên cho bà Đoàn Thị Mai P .

Tài sản thứ 7: Thửa đất số 13-2 , tờ bản đồ số 50, tại địa chỉ: tổ 34, phường NT , quận L , Hà Nội. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD461661; số vào sổ cấp GCN: 1420/2005/QĐ-UB/594/2005 do UBND quận L cấp ngày 23/09/2005 cho ông Đào Ngọc S và bà Đoàn Thị Mai P . Ngày 17/6/2010 đã sang

tên cho bà Đoàn Thị Mai P theo văn bản thỏa thuận số 133 ngày 18/5/2010 do phòng công chứng số 2 Thành phố Hà Nội công chứng.

Các tài sản trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật, tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

+ Đối với diện tích nhà đất tại thửa đất số 30(2), tờ bản đồ số 308-19 tại địa chỉ số 2 ngõ 667 đường NG - thị trấn ĐG , huyện G , Hà Nội (nay là phường ĐG , quận L , Hà Nội); Thửa đất số 30 (1), tờ bản đồ số 308-19 tại địa chỉ số 2 ngõ 667 đường NG - thị trấn ĐG , huyện G , Hà Nội (nay là phường ĐG , quận L , Hà Nội); Thửa đất số 41(1), tờ bản đồ số 308-19 tại địa chỉ số 661 tổ 9, thị trấn ĐG , huyện G , Hà Nội (nay là phường ĐG , quận L , Hà Nội); Thửa đất số 40, tờ bản đồ số 308-19 tại địa chỉ Số 8 ngõ 67 đường N , thị trấn ĐG , huyện G , Hà Nội (nay là phường ĐG , quận L , Hà Nội); Thửa đất số 43(1), tờ bản đồ số 308-19 tại địa chỉ tổ 07 khối 2B, thị trấn ĐG , huyện G , Hà Nội (nay là phường ĐG , quận L , Hà Nội). Hiện tại trên các diện tích đất này đều có nhà xưởng và kho của Công ty cổ phần T . Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm ông Phạm Văn T đã có đơn đề nghị và gửi kèm theo các tài liệu chứng cứ liên quan đến việc ông góp vốn với bà P là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần T để xây dựng nhà xưởng của Công ty T . Ông Tích đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông, nhưng cấp sơ thẩm không tiến hành điều tra xác minh làm rõ vấn đề này và tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác là chưa giải quyết triệt để vụ án.

+ Đối với các thửa đất 30 (1), 30 (2), thửa đất 41 (1) đều đã bị Nhà nước thu hồi một phần diện tích đất để giải phóng mặt bằng. Nhưng cấp sơ thẩm lại tuyên trường hợp Công ty K không thanh toán được khoản nợ gốc và lãi cho Công ty TNHH MTV Q thì Công ty TNHH MTV Q có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên toàn bộ các thửa đất trên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng.

+ Đối với thửa đất số 30 (1), tờ bản đồ số 308-19 tại địa chỉ số 2 ngõ 667 đường N , thị trấn ĐG , huyện G , Hà Nội (nay là phường ĐG , quận L , Hà Nội); Thửa đất số 13-2 , tờ bản đồ số 50, tại địa chỉ: tổ 34, phường NT , quận L ,

Hà Nội. Hai tài sản này bảo đảm cho hai khoản vay của hai hợp đồng tín dụng (gồm Hợp đồng tín dụng số 031.11.001/2011/HĐTD-DN ngày 28/9/2011 giữa Ngân hàng P ký với Công ty K và Hợp đồng tín dụng số 031.13.130 ngày 20/5/2013 giữa Ngân hàng P ký với ông Đào Trung D và bà Lê Thị Hồng L. Nhưng quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm không điều tra làm rõ về việc tài sản này thế chấp đảm bảo cho khoản vay của ông Đào Trung D và bà Lê Thị Hồng L và không đưa Ngân hàng P vào tham ra tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Thửa đất số 8(2), tờ bản đồ số 0 tại địa chỉ Tổ 33 phường NT, quận L, Hà Nội theo (Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số AN 515945 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 709 số QĐ:1565/QĐ-UB MS: 10127655448 do UBND quận L cấp cho ông Hoàng Duy M ngày 14/07/2008)2009, có diện tích 112,3m². Tài liệu có trong hồ sơ thể hiện diện tích đất đã được thế chấp là 112,3m². Tuy nhiên tại biên bản định giá tài sản thế chấp của Ngân hàng xác định có một phần ngôi nhà 3 tầng xây trên một phần đất khoảng 36m². Tại cấp phúc thẩm anh M và anh Hoàng Duy N trình bày: "... ngày 15/10/2009 anh N đã mua lại của anh M 2m mặt tiền. Sau khi mua anh Nhiên đã xây nhà trên phần diện tích đất này; Biên bản thẩm định tài sản của cấp sơ thẩm cũng xác định diện tích đất thực tế anh M đang quản lý là 81,6m², một phần diện tích đất khoảng 36m² anh N đã xây một phần nhà 3 tầng. Hơn nữa tại phần quyết định cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận cho Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp số 018966 ngày 21/5/2013. Nhưng cấp sơ thẩm lại không đưa anh Hoàng Duy N và các thành viên sống tại ngôi nhà 3 tầng này vào tham gia tố tụng và cũng không tiến hành điều tra xác minh thu thập chứng cứ về việc anh N xây dựng diện tích nhà 3 tầng trên một phần thửa đất của anh M, là làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi ích hợp pháp của gia đình anh N.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy bản án sơ thẩm có nhiều thiếu sót cả về tố tụng và nội dung, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ. Hơn nữa quá

trình giải quyết tại cấp phúc thẩm phát sinh tình tiết mới mà do giới hạn của việc xét xử, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án, cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Duy M , bà Trần Thị L ; Công ty cổ phần T ; Bà Đoàn Thị Mai P . Hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận L , chuyển hồ sơ cho Tòa án quận L giải quyết lại theo thủ tục chung.

Đề nghị của Luật sư và đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các chứng cứ và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được chấp nhận nên bị đơn Công ty cổ phần thương mại dịch vụ K và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Duy M , bà Trần Thị L ; Công ty cổ phần T ; Bà Đoàn Thị Mai P không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Án phí sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 228 và khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị Quyết số 326/ NQ – QH ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí.

Xử:

1-Chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Công ty cổ phần K do ông Đào Trung D là người đại diện theo pháp luật; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Đoàn Thị Mai P ; Công ty cổ phần T do bà Đoàn Thị Mai P đại diện theo pháp luật; bà Trần Thị L và ông Hoàng Duy M .

2- Hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2017/KDTM-ST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân quận L , thành phố Hà nội.

3- Chuyển toàn bộ hồ sơ cho Tòa án nhân dân quận L , thành phố Hà Nội giải quyết lại theo thủ tục chung.

4. Về án phí:

- Án phí phúc thẩm: Hoàn lại cho Công ty cổ phần K số tiền 2.000.000 đồng là tiền tạm ứng án phí Công ty đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

0006046 ngày 6/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận L ; Hoàn trả cho bà Đoàn Thị Mai P số tiền 2.000.000 đồng là tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006045 ngày 06/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận L ; Hoàn trả cho Công ty cổ phần T số tiền 2.000.000 đồng là tiền tạm ứng án phí Công ty đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006048 ngày 06/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận L ; Hoàn trả bà Trần Thị L và ông Hoàng Duy M số tiền 2.000.000 đồng là tiền tạm ứng án phí ông, bà đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006047 ngày 06/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận L .

- Án phí sơ thẩm: Sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

5. Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực kể từ ngày tuyên án ngày 16/10/2018.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADĐào Ngọc S quận
L
- Tòa án ND quận L
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Ngô Tuyết Băng

